

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/DSST

Ngày: 25-8-2023

*“V/v: Kiện tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAH'LEO**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Xuân Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Linh và ông Trần Tiến Dũng.

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Hòa – Thư ký Toà án nhân dân huyện E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E: Ông Trần Minh Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 25/8/2023 tại phòng xử án - Toà án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 292/2023/TLST-DS, ngày 01 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2023/QĐST-DS, ngày 11 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà B, sinh năm 1970. Trú tại: Buôn S, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

Bị đơn: Ông Y, sinh năm 1993. Trú tại: Buôn S, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà B trình bày:

Ngày 01/6/2021 tôi có cho ông Y vay số tiền 128.000.000 đồng, có viết giấy nợ tiền, ông Y hẹn tôi đến tháng 01/2022 sẽ trả, nhưng đến nay ông Y chưa trả cho tôi khoản tiền nào. Nội dung Giấy nợ tiền ngày 01/6/2021 có ghi là trả trước 28.000.000 đồng, còn nợ lại 100.00.000 đồng, tuy nhiên, ngày 01/6/2021 tôi không nhận số tiền 28.000.000 đồng, ông Y vẫn đang nợ tôi số tiền 128.000.000 đồng

Ngày 30/01/2022 tôi có nhận số tiền 5.000.000 đồng; Ngày 05/3/2023 tôi có nhận số tiền 10.000.000 đồng từ ông Y trả nợ cho tôi. Khi trả có viết giấy biên nhận tiền. Tuy nhiên, đây là khoản tiền trả không liên quan đến khoản vay tiền trên, mà đây là số tiền Y vay tôi để đi đáo hạn Ngân hàng. Hiện tôi không có giấy tờ gì để chứng minh, vì thời điểm vay thì hai bên chỉ thỏa thuận miệng, tôi có nói ông Y viết giấy ký tên nhưng ông Y không đồng ý. Nay tôi yêu cầu ông Y phải

trả cho tôi số tiền vay 128.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà B bổ sung yêu cầu khởi kiện, bà B yêu cầu Y trả khoản nợ là 68.040.000 đồng (tiền đi đáo hạn Ngân hàng). Hiện bà B không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Y trình bày:

Ông Y thừa nhận vào ngày 01/6/2021 có ký nợ với bà B thể hiện vay số tiền 128.000.000 đồng, nhưng thực tế Y chỉ có nợ bà B số tiền 50.000.000 đồng, còn tiền lãi thì Y không biết tính bao nhiêu, Y đồng ý trả cho bà B lãi suất theo quy định của pháp luật. Thực tế Y có mượn của bà B số tiền 50.000.000 đồng, chứ không vay 128.000.000 đồng của bà B. Sau đó bà B viết trước giấy nợ tiền ngày 01/6/2021 và nói Y xuống ký vào giấy. Tôi nghĩ là chỉ nợ bà B 50.000.000 đồng. Khi tôi ký tôi không đọc, tôi lỡ ký vào giấy. Còn ngày 02/4/2019 tôi đã trả được 10.000.000 đồng, khoản tiền này có liên quan đến số nợ trên, khi giao trên tôi viết “Giấy vay tiền” chứ không lập biên bản giao nhận tiền. Sau này bà B viết lại giấy nợ vào ngày 01/6/2021 nên số tiền 10.000.000 đồng tôi trả cho bà B được viết trước ngày viết giấy nợ ngày 01/6/2021. Ngày 30/01/2022 tôi trả cho bà B số tiền 5.000.000 đồng; Ngày 05/3/2023 tôi trả bà B số tiền 10.000.000 đồng, khi trả có viết biên bản giao nhận tiền. Vậy tổng số tiền tôi đã trả cho bà B là 25.000.000 đồng.

Hiện tôi chỉ công nhận nợ bà B 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh nếu có. Hiện tôi đã trả cho bà B được 25.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 25.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện tôi rất khó khăn xin hẹn đến ngày 30/12/2023 sẽ trả số tiền 25.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh nếu có cho bà B.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục và chức năng nhiệm vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do các bên đương sự cung cấp và quá trình xác minh thu thập của Tòa án. Căn cứ vào các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố Tụng dân sự; các Điều 119, 463, 466, của Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà B. Buộc ông Y phải trả cho bà B số tiền vay còn lại là 113.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà B về yêu cầu Y trả khoản nợ là 68.040.000 đồng.

Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện E xác định là đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Về nội dung:

[1]. Ngày 01/6/2021 bà B có cho ông Y vay số tiền 128.000.000 đồng, có viết giấy nợ tiền, hạn đến tháng 01/2022 sẽ trả cho bà B, nhưng đến hạn ông Y chưa trả cho bà B. Bà B khởi kiện yêu cầu ông Y phải trả số tiền vay là 128.000.000 đồng. Ông Y thừa nhận có ký trong giấy nợ thể hiện vay số tiền 128.000.000 đồng. Tuy nhiên, chỉ thừa nhận nợ bà B số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh nếu có. Hiện ông Y đã trả cho bà B được 25.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 25.000.000 đồng và hạn đến ngày 30/12/2023 sẽ trả số tiền 25.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh nếu có cho bà B.

[2]. Hội đồng xét xử xét thấy: Xét yêu cầu của bà B yêu cầu ông Y trả số tiền vay 128.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Y đều thừa nhận có ký nhận vào giấy vay tiền ngày 01/6/2021 thể hiện ông Y nợ bà B số tiền 128.000.000 đồng. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó đây là tình tiết, chứng cứ không phải chứng minh.

[3]. Trong giấy nợ tiền ngày 01/6/2021 có ghi là trả trước 28.000.000 đồng, còn nợ lại 100.00.000 đồng, tuy nhiên, Y thừa nhận là chưa trả số tiền 28.000.000 đồng cho bà B, nên theo giấy nợ ngày 01/6/2021 Y nợ bà B số tiền 128.000.000 đồng.

Ông Y cho rằng khi ký vào giấy nợ ngày 01/6/2021 không đọc nội dung, chỉ “lờ” ký vào giấy nợ. Y chỉ thừa nhận nợ bà B 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông Y không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh lời trình bày của mình là có căn cứ, nên không chấp nhận ý kiến trên của ông Y.

[4]. Quá trình vay ông Y cho rằng đã trả được 25.000.000 đồng và cung cấp 02 biên bản nhận tiền và 01 giấy vay tiền. HĐXX nhận thấy 02 biên bản nhận tiền ngày 30/01/2022 thể hiện Y trả cho bà B 5.000.000 đồng; Ngày 05/3/2023 thể hiện Y trả cho bà B 10.000.000 đồng. Bà B cũng thừa nhận có nhận 02 lần Y giao tiền trên với tổng số tiền là 15.000.000 đồng, thời điểm Y trả 02 lần tiền là

sau thời điểm vay số tiền 128.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà B cho rằng khoản tiền 15.000.000 đồng không liên quan đến khoản nợ 128.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án bà B không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ngoài khoản nợ trên ông Y còn nợ bà B một khoản nợ khác, nên cần công nhận là Y đã trả được cho bà B tổng số tiền là 15.000.000 đồng.

Đối với giấy vay tiền đề ngày 02/10/2019, thể hiện Y cho bà B vay số tiền 10.000.000 đồng. Nội dung này không liên quan đến tranh chấp vụ án hiện đang giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án Y cũng không có yêu cầu phản tố. Sau này nếu có tranh chấp và yêu cầu tòa án giải quyết sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[5]. Việc các bên xác lập quan hệ vay tài sản giữa bà B và ông Y là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về điều kiện, mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 117; Điều 118; Điều 119 và Điều 463 Bộ luật Dân sự, nên công nhận việc vay tài sản giữa bà B và ông Y là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định ông Y vay bà B số tiền 128.000.000 đồng là có thật, ông Y đã trả được 15.000.000 đồng còn lại 113.000.000 đồng. Nay ông Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà B. Vì vậy, cần buộc ông Y có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền là 113.000.000 đồng là có căn cứ.

[6]. Về yêu cầu khởi kiện bổ sung: Bà B yêu cầu ông Y trả khoảng nợ là 68.040.000 đồng. HĐXX nhận thấy yêu cầu trên đã vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà B, theo khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên ông Y phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 244 Bộ luật tố Tụng dân sự; các Điều 117; Điều 118; Điều 119, 463, 466 của Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

2. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà B. Buộc ông Y phải trả cho bà B số tiền 113.000.000 đồng (Một trăm mười ba triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà B yêu cầu ông Y trả 15.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà B về yêu cầu ông Y trả cho bà B số tiền 68.040.000 đồng.

4. Về án phí: Ông Y phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 5.650.000 đồng.

Bà B phải chịu 750.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, theo biên lai số 0011533, ngày 24/7/2023. Trả lại cho bà B số tiền 2.450.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo theo biên lai trên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện E;
- Thi hành án huyện E;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Xuân Cường